

Phụ lục tổng hợp
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
Nguồn vốn: Ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A=B)	33.513.639	
A	Tổng nguồn vốn	33.513.639	
I	Vốn XDCB tập trung của tỉnh	18.417.368	
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.468.000	
III	Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất	13.368.800	
IV	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	259.471	
B	Phân bổ chi tiết	33.513.639	
I	Dự phòng chung (bao gồm số tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển để bổ sung vốn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng)	300.000	
II	Bội chi ngân sách địa phương	259.471	Theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh
III	Phân bổ cho chương trình, nhiệm vụ, dự án	32.954.168	
1	Phân cấp nguồn vốn XDCB tập trung cho các địa phương	3.320.000	Phụ lục 1
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Phân cấp theo nguyên tắc, tiêu chí tính điểm cho 96 xã, phường, đặc khu</i>	<i>2.700.000</i>	
-	<i>Bổ sung mục tiêu cho 09 phường thực hiện chỉnh trang đô thị, trường lớp học</i>	<i>620.000</i>	
2	Giao địa phương thu - chi nguồn thu tiền sử dụng đất	2.900.000	
3	Bố trí cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án tỉnh quản lý	26.734.168	
3.1	Chi trả nợ gốc	124.089	Theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh
3.2	Vốn quyết toán dự án hoàn thành	200.000	Phụ lục 5
3.3	Đối ứng ODA	276.900	Phụ lục 2
3.4	Đối ứng vốn NSTW	4.174.000	
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các CTMTQG và các Chương trình khác (bao gồm hỗ trợ HTX, doanh nghiệp, lâm nghiệp, nước sạch nông thôn.....)</i>	<i>2.300.000</i>	Phân bổ chi tiết tại NQ riêng của các CTMTQG
-	<i>Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW của tỉnh (bao gồm dự án chuyển tiếp)</i>	<i>1.330.400</i>	Phụ lục 3
-	<i>Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW của Bộ, ngành quản lý</i>	<i>543.600</i>	Phụ lục 3
3.5	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030	11.974.600	
3.6	Ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội	1.000.000	
3.7	Chuẩn bị đầu tư	200.000	
3.8	Chưa phân bổ	8.784.579	